

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 76/2025/DS-ST

Ngày: 22 - 9 - 2025

“V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín
dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Viết Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sinh Thành và ông Nguyễn Đức Lý.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà
Cao Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng
Trị mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 152/2024/TLST-
DS ngày 19 tháng 11 năm 2024, về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”. Theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2025/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 7 năm
2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1), địa chỉ: Số H L, phường L, quận
Đ, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A - Phó Giám đốc Trung
tâm thu hồi nợ KHDN và xử lý nợ pháp lý;

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn T, ông Trần Tiến L và
ông Đào Tùng L1; địa chỉ: Số A T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị, ông L1 có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Vũ H, sinh năm 1993; CCCD số 044093001869 và bà
Phạm Thị Tuyết H1, sinh năm 1998; CCCD số 044198000232; địa chỉ: thôn P, xã
H, tỉnh Quảng Trị. Hiện nay đang cư trú tại nước ngoài, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng
TMCP V (V1) trình bày:*

Trong năm 2019, ông Trần Vũ H và bà Phạm Thị Tuyết H1 (*gọi tắt là bị
đơn*) đã ký 01 Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô để vay của Ngân hàng

TMCP V - Chi nhánh Q (Viết tắt V1), với tổng số tiền là 910.000.000 đồng, cụ thể:

Tại Hợp đồng cho vay số LN1911191882961 ngày 03/12/2019, bị đơn đã ký, vay số tiền 910.000.000 đồng, với thời hạn vay 84 tháng nhằm mục đích thanh toán tiền mua xe ô tô. Trong đó các bên thỏa thuận Lãi suất trong hạn 7,9 %/năm, Lãi suất này cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm. Ngày điều chỉnh đầu tiên là ngày 03/3/2020. Mức điều chỉnh và kỳ điều chỉnh được quy định trong hợp đồng cho vay; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% nợ trong hạn; Phạt chậm trả lãi: Theo quy định trong hợp đồng cho vay.

Nhằm đảm bảo cho khoản vay trên, ngày 03/12/2019 ông Trần Vũ H và bà Phạm Thị Tuyết H1 đã ký với Ngân hàng V1 về Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp xe ô tô LN1911191882961 để thế chấp xe ô tô PEUGEOT 3008, số khung 5VA6KC115165, số máy 2010UF205G02, biển kiểm soát: 73A-149.19, theo giấy đăng ký xe ô tô số 029810 do Phòng CSGT Công an tỉnh Q cấp ngày 29/11/2019, thuộc sở hữu của ông Trần Vũ H và bà Phạm Thị Tuyết H1.

Trong các năm 2020, 2021, ông Trần Vũ H đã ký 02 Hợp đồng tín dụng để vay của Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Q, cụ thể:

Tại Hợp đồng cho vay số LD2032402116 ngày 11/09/2020, ông Trần Vũ H vay số tiền cho vay: 97.000.000 đồng (Chín mươi bảy triệu đồng chẵn); thời hạn vay: Từ ngày giải ngân đến hết ngày 03/11/2023; mục đích sử dụng vốn: Phục vụ đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng; các kỳ hạn trả nợ: Trả gốc và trả lãi hàng tháng vào ngày 03; lãi suất vay và kỳ hạn điều chỉnh 23%/năm. Lãi suất này cố định đến ngày 01/04/2021. Sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm. Mức điều chỉnh và kỳ điều chỉnh được quy định trong hợp đồng cho vay. Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% nợ trong hạn. Phạt chậm trả lãi: Theo quy định trong hợp đồng tín dụng nhưng không quá 10%/năm.

Tại Hợp đồng cho vay số LD2118701184 ngày 06/07/2021, ông Trần Vũ H vay số tiền cho vay: 98.000.000 đồng (Chín mươi tám triệu đồng chẵn); thời hạn vay: Từ ngày giải ngân đến hết ngày 03/07/2024; mục đích sử dụng vốn: Phục vụ đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng; các kỳ hạn trả nợ: Trả gốc và trả lãi hàng tháng vào ngày 03; lãi suất trong hạn: 20%/năm. Lãi suất này cố định đến ngày 01/01/2022. Sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm. Mức điều chỉnh và kỳ điều chỉnh được quy định trong hợp đồng cho vay. Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% nợ trong hạn. Phạt chậm trả lãi: Theo quy định trong hợp đồng tín dụng nhưng không quá 10%/năm.

Tại Thẻ tín dụng theo đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kèm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 14/11/2019, hạn mức đề nghị 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Sau khi được V1 giải ngân toàn bộ khoản vay, thì bị đơn vi phạm về thời gian trả nợ; đồng thời bỏ đi khỏi nơi cư trú nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ vay. Tính đến ngày 21/8/2024 bị đơn ông Trần Vũ H và bà Phạm Thị Tuyết H1 còn nợ

Ngân hàng V1 tại 03 hợp đồng và 01 Thẻ tín dụng, với tổng số tiền 444.584.551 đồng (trong đó nợ gốc 285.207.056 đồng; nợ lãi 159.277.494 đồng). Vì vậy, Nguyên đơn Ngân hàng V1 khởi kiện yêu cầu buộc ông Trần Vũ H và bà Phạm Thị Tuyết H1 phải thanh toán cho Ngân hàng V1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan đến các Hợp đồng tín dụng nêu trên tạm tính đến ngày 21/8/2024, với tổng số tiền 444.584.551 đồng, (trong đó nợ gốc 285.207.056 đồng; nợ lãi 159.277.494 đồng). Trường hợp ông Trần Vũ H và bà Phạm Thị Tuyết H1 không thanh toán nợ theo yêu cầu của Ngân hàng V1, thì Ngân hàng V1 có quyền tự xử lý hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của ông H và bà H1 theo Hợp đồng cho vay kèm Hợp đồng thế chấp xe ô tô LN1911191882961 để thế chấp Xe ô tô PEUGEOT 3008, số khung 5VA6KC115165, số máy 2010UF205G02, biển kiểm soát: 73A-149.19, theo giấy đăng ký xe ô tô số 029810 do Phòng CSGT Công an tỉnh Q cấp ngày 29/11/2019, thuộc sở hữu của ông Trần Vũ H và bà Phạm Thị Tuyết H1.

Quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai ông Trần Vũ H trình bày: Ông thừa nhận đã ký kết vay tại Ngân hàng TMCP V theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng LN1911191882961 ngày 03/12/2019 để vay, số tiền 910.000.000 đồng (Chín trăm mười triệu đồng chẵn); Hợp đồng cho vay số LD2032402116 ngày 11/09/2020 để vay, số tiền: 97.000.000 đồng (Chín mươi bảy triệu đồng chẵn); Hợp đồng cho vay số LD2118701184 ngày 06/07/2021 để vay, số tiền 98.000.000 đồng (Chín mươi tám triệu đồng chẵn). Mục đích vay tiền là mua xe ô tô sử dụng.

Để bảo đảm cho khoản vay trên là xe ô tô PEUGEOT 3008, số khung 5VA6KC115165, số máy 2010UF205G02, biển kiểm soát: 73A-149.19, theo giấy đăng ký xe ô tô số 029810 do Phòng CSGT công an tỉnh Q cấp ngày 29/11/2019. Thế chấp theo Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1911191882961 ngày 03/12/2019.

Quá trình vay vốn bị đơn đã thanh toán cho Ngân hàng từ ngày 03/01/2020 theo đúng nghĩa vụ và theo số tiền Ngân hàng quy định. Đến nay bị đơn còn nợ Ngân hàng cả gốc và lãi số tiền 409.110.631 đồng (*Bốn trăm linh chín triệu, một trăm mười nghìn, sáu trăm đồng*). Dư nợ tạm tính đến ngày 03/5/2024, số dư hiện tại là 423.249.502 đồng (*Bốn trăm hai mươi ba triệu, hai trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm linh hai đồng*). Trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã trả cho Ngân hàng, số tiền gốc 838,530,062 đồng (*T1 trăm ba mươi tám triệu, năm trăm ba mươi nghìn, không trăm sáu mươi hai đồng*); tiền lãi 283.334.647 đồng (*Hai trăm tám mươi ba triệu, ba trăm ba mươi bốn nghìn, sáu trăm bốn mươi bảy đồng*). Hiện tại bị đơn còn nợ Ngân hàng, số tiền 423.249.502 đồng. (*Bốn trăm hai mươi ba triệu, hai trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm linh hai đồng*). Nguyên vọng của bị đơn trả một lần vào ngày 15/6/2024, nhưng do hoàn cảnh gia đình hiện tại khó khăn, nên bị đơn mong muốn trả hết tiền gốc và miễn hoàn toàn tiền lãi. Đối với tài sản thế chấp là xe ô tô PEUGEOT 3008, hiện bị đơn đang sử dụng, còn vợ là chị Phạm Thị Tuyết H1 đã xuất cảnh ra nước ngoài vào tháng 5/2023.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phạm Thị Tuyết H1 đã xuất cảnh ra nước ngoài và sau đó bị đơn ông Trần Vũ H cũng xuất cảnh ra nước ngoài: Tại

công văn số 9830/ QLXNC-P3 , ngày 14/5/2024 của Phòng Q1 Công an tỉnh (BL 44) xác nhận bà Phạm Thị Tuyết H1 đã xuất cảnh gần nhất ngày 16/6/2023 và tại công văn số 1290/CV- PA08, ngày 21/5/2025 của Phòng Q1 Công an tỉnh (BL 86) xác nhận ông Trần Vũ H đã xuất cảnh rời Việt Nam ngày 02/7/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Do không xác định được địa chỉ của bị đơn đang ở nước ngoài. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi bị đơn cư trú trước khi xuất cảnh và có văn bản gửi Ban Đ (VOV5), yêu cầu đăng tin thông báo cho bị đơn ông Trần Vũ H và bà Phạm Thị Tuyết H1 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa nguyên đơn Ngân hàng V1 và bị đơn ông H, bà H1 và Ban Đ (VOV5) đã đăng tin 03 lần trong 03 ngày liên tiếp theo khoản 3 Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông H, bà H1 không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn V1. Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa vào ngày 22/8/2025, nhưng bị đơn ông H, bà H1 vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay ông H, bà H1 vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng V1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bổ sung bảng kê khoản vay và tiền lãi phát sinh đến hết ngày 22/9/2025 là 567.491.347 đồng (trong đó các khoản nợ gốc 274.515.986; nợ lãi quá hạn 292.975.361 đồng). Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quản Trị tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Tại phiên tòa bị đơn ông H, bà H1 vắng mặt lần hai không có lý do. Căn cứ Điều 228, điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V1. Buộc bị đơn phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đương sự, kiểm sát viên được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (viết tắt Ngân hàng V1) khởi kiện yêu cầu bị đơn ông H, bà H1 thanh toán khoản vay theo các Hợp đồng vay tài sản mà ông H, bà H1 đã ký kết với Ngân hàng V1. Đây là tranh chấp hợp đồng giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với cá nhân, không vì mục đích lợi nhuận, nên xác định quan hệ pháp luật giải quyết “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Trong vụ án bị đơn ông H, bà H1 là Công dân Việt Nam đang cư trú, làm việc tại nước ngoài. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Vũ H và bà Phạm Thị Tuyết H1 thay đổi nơi cư trú, đã xuất cảnh ra nước ngoài nhưng không thông báo cho phía nguyên đơn Ngân hàng V1 biết về việc thay đổi địa chỉ theo các thông tin đã cung cấp tại các Hợp đồng tín dụng, nên thuộc trường hợp cố tình dấu địa chỉ. Do không xác định được địa chỉ hiện tại của bị đơn ở nước ngoài, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi bị đơn cư trú trước khi xuất cảnh, tại trụ sở và có văn bản gửi Ban Đ (VOV5), yêu cầu đăng tin thông báo cho bị đơn ông Trần Vũ H và bà Phạm Thị Tuyết H1 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa nguyên đơn Ngân hàng V1 và bị đơn ông H, bà H1 và Ban Đ (VOV5) đã đăng tin 03 lần trong 03 ngày liên tiếp theo quy định tại Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh ông H, bà H1 không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn V1. Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa vào ngày 22/8/2025, nhưng bị đơn ông H, bà H1 vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay ông H, bà H1 vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 và điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ Luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét ý kiến yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng V1, Hội đồng xét xử thấy:

Xét các Hợp đồng cho vay LN1911191882961 ngày 03/12/2019 để vay, số tiền 910.000.000 đồng (Chín trăm mười triệu đồng chẵn); Hợp đồng cho vay số LD2032402116 ngày 11/09/2020 để vay, số tiền: 97.000.000 đồng (Chín mươi bảy triệu đồng chẵn); Hợp đồng cho vay số LD2118701184 ngày 06/07/2021 để vay, số tiền 98.000.000 đồng (Chín mươi tám triệu đồng chẵn) và Hợp đồng phát hành sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 14/11/2019, hạn mức đề nghị 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) được ký kết giữa Ngân hàng V1 và ông Trần Vũ H, bà Phạm Thị Tuyết H1, có nội dung cụ thể về số tiền vay, thời hạn vay, ngày giải ngân, ngày đáo hạn, lãi suất, lãi suất nợ quá hạn do người có thẩm quyền của Ngân hàng V1 và người có đủ năng lực hành vi dân sự ký kết, hình thức, nội dung tuân theo quy định của pháp luật. Ngân hàng V1 đã giải ngân cho ông H, bà H1 theo Hợp đồng các bên đã ký kết. Ông H, bà H1 đã nhận đủ số tiền mà Ngân hàng V1 giải ngân (ông H thừa nhận). Vì vậy, các Hợp đồng cho vay LN1911191882961 ngày 03/12/2019; Hợp đồng cho vay số LD2032402116 ngày 11/09/2020; Hợp đồng cho vay số LD2118701184 ngày 06/07/2021 và hợp đồng phát hành sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 14/11/2019 được ký kết giữa Ngân hàng V1 và ông H, bà H1 có hiệu lực thi hành, các bên giao kết hợp đồng phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại; các Điều 91, 94 Luật các tổ chức tín dụng và các Điều 116, 117, 118, 119, 463, 466 Bộ luật dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H, bà H1 đã trả được được số tiền nợ gốc là 838.530.062 đồng và tiền lãi 283.606.157 đồng, sau đó liên tiếp vi phạm nghĩa vụ về thời hạn trả nợ gốc và lãi theo các hợp đồng đã ký kết, đồng thời bỏ đi khỏi nơi cư trú không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, dẫn đến khoản vay nợ đã chuyển sang nợ quá hạn, với tổng dư nợ tạm tính đến hết ngày 22/9/2025 ông H, bà H1 còn nợ Ngân hàng V1, số tiền là

567.491.347 đồng (trong đó nợ gốc 274.515.986 đồng, nợ lãi quá hạn 292.975.361 đồng). Vì vậy, Ngân hàng V1 khởi kiện yêu cầu buộc ông H, bà H1 phải thanh toán cho Ngân hàng V1 số tiền vay nợ tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm là 567.491.347 đồng (trong đó nợ gốc 274.515.986 đồng, nợ lãi quá hạn 292.975.361 đồng) và thanh toán số tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay đã được ký kết giữa Ngân hàng V1 và ông H, bà H1 từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm 22/9/2025 cho đến ngày ông H, bà H1 thanh toán xong khoản nợ vay cho Ngân hàng V1 là có căn cứ cần chấp nhận. Theo bảng tính lãi do đại diện của nguyên đơn Ngân hàng V1 xuất trình tại phiên tòa, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/9/2025 ông H, bà H1 còn vay nợ Ngân hàng V1, số tiền là 567.491.347 đồng (trong đó nợ gốc 274.515.986 đồng, nợ lãi quá hạn 292.975.361 đồng) là phù hợp với các Hợp đồng cho vay và quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm cho ông Trần Vũ H và bà Phạm Thị Tuyết H1 của Ngân hàng V1 theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp ô tô LN1911191882961 ngày 03/12/2019 được các bên ký kết, thấy:

Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1911191882961 ngày 03/12/2019 giữa bên thế chấp ông Trần Vũ H, bà Phạm Thị Tuyết H1 và bên nhận thế chấp Ngân hàng V1 được ký kết để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm cho ông H, bà H1 vay tiền tại Ngân hàng V1 do người có thẩm quyền của Ngân hàng V1 và người đủ năng lực hành vi dân sự của các bên ký kết. Khi ký kết các bên hoàn toàn tự nguyện, đã được chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm hợp đồng, hình thức, nội dung tuân thủ các quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại các Điều 318, 319, 320, 321, 322, 323, 324 Bộ luật dân sự, nên có hiệu lực thi hành, các bên giao kết hợp đồng phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay ông H, bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thực hiện đúng các thỏa thuận, cam kết tại các Hợp đồng để phát sinh nợ quá hạn. Do đó, Ngân hàng V1 có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và các Điều 299, 301, 303, 304, 307 Bộ luật dân sự. Vì vậy, yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm của Ngân hàng V1 là có căn cứ, cần chấp nhận.

Từ những phân tích, nhận định trên. Có căn cứ xác định đến tại thời điểm hết ngày xét xử sơ thẩm 22/9/2025, ông Trần Vũ H và bà Phạm Thị Tuyết H1 chưa thanh toán khoản nợ vay (chuyển nợ vay quá hạn) cho Ngân hàng TMCP V2 theo các Hợp đồng cho vay mà các bên ký kết, số tiền là 567.491.347 đồng (trong đó nợ gốc 274.515.986 đồng, nợ lãi quá hạn 292.975.361 đồng). Vì vậy, chấp nhận ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Ngân hàng V1 khởi kiện được Tòa án chấp nhận, nên không phải chịu án phí. Bị đơn ông Trần Vũ H và bà Phạm Thị Tuyết H1 phải chịu án phí sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

[5] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng V1 đã nộp 4.500.000 đồng tiền đăng tin trên kênh VOV5 và đã chi phí hết. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V1 được Tòa án chấp nhận, nên không phải chịu. Bị đơn ông Trần Vũ H và bà

Phạm Thị Tuyết H1 phải chịu chi phí tố tụng. Buộc ông H và bà H1 phải nộp lại số tiền 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) để trả lại cho Ngân hàng V1.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 153; Điều 227, 228, 474, 475, Điều 477; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 118, 119, 299, 301, 303, 304, 307, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 324, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 306 Luật thương mại; các Điều 91, 94, 95 Luật các Tổ chức Tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V. Buộc ông Trần Vũ H và bà Phạm Thị Tuyết H1 thanh toán khoản nợ vay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V, tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm 22/9/2025, số tiền 567.491.347 đồng (trong đó nợ gốc 274.515.986 đồng, nợ lãi quá hạn 292.975.361 đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 22/9/2025 cho đến khi thi hành án xong. Ông Trần Vũ H và bà Phạm Thị Tuyết H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Trần Vũ H và bà Phạm Thị Tuyết H1. Trường hợp Trần Vũ H và bà Phạm Thị Tuyết H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng Thương mại cổ phần V có quyền chủ động hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với tài sản bảo đảm theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp ô tô LN1911191882961 ngày 03/12/2019 được ký kết giữa bên thế chấp ông Trần Vũ H và bà Phạm Thị Tuyết H1 và bên nhận thế chấp Ngân hàng Thương mại cổ phần V để thu hồi nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Xử buộc ông Trần Vũ H và bà Phạm Thị Tuyết H1 phải chịu 27.174.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V, số tiền 10.891.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005161, ngày 18/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị).

3. Về chi phí tố tụng: Xử buộc ông Trần Vũ H và bà Phạm Thị Tuyết H1 phải nộp lại số tiền 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) để trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu AV, lưu VP TAQB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Dương Viết Hải